

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỊA CHÍNH  
TRUNG TÂM NC - TK BẢN ĐỒ VÀ ĐỊA TIN HỌC



**PHẦN MỀM HỖ TRỢ QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT  
ĐẠI CHI TIẾT - VPLAN 1.0**

Hà Nội, 11/2007

## Giới thiệu chung

Cho đến nay việc lập quy hoạch sử dụng đất đai chi tiết cấp xã thường được thực hiện một cách thủ công, chưa ứng dụng công nghệ tin học trong việc xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc xử lý, tính toán các số liệu cũng như xây dựng các tài liệu bản đồ... Vì vậy, thời gian lập quy hoạch sử dụng đất của một xã thường kéo dài, phương án quy hoạch sử dụng đất sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt rất khó quản lý, khai thác.

Trong giai đoạn công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước thì việc ứng dụng công nghệ tin học trong quản lý đất đai là một trong những nội dung chiến lược của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trước tình hình đó, trong phạm vi dự án ***“Xây dựng mô hình QHSDĐĐ chi tiết cấp xã theo quy định của Luật đất đai năm 2003”*** Viện Nghiên cứu Địa chính đã nghiên cứu xây dựng phần mềm ứng dụng công nghệ mới hỗ trợ trong công tác quy hoạch sử dụng đất chi tiết cấp xã gọi tắt là Vplan.

+ Vplan được xây dựng trên ngôn ngữ lập trình hiện đại, sử dụng bộ thư viện đồ hoạ của MapInfo và một số bộ thư viện khác, kết hợp giữa những lập trình viên và những cán bộ, chuyên gia quy hoạch sử dụng đất. Nội dung và yêu cầu kỹ thuật dựa trên các quy định của Nghị định số 181/2004/NĐ-CP, Thông tư số 28/2004/TT-BTNMT, Thông tư số 30/2004/TT-BTNMT và Quyết định số 40/2004/QĐ-BTNMT và thông tư Số: 09/2007/TT-BTNMT.

+ Vplan kết hợp quản lý cơ sở dữ liệu thuộc tính về thông tin thửa đất như (số hiệu bản đồ, số hiệu thửa, loại đất, diện tích, chủ sử dụng, địa danh thửa đất...) và cơ sở dữ liệu đồ hoạ như (hình dạng, kích thước, diện tích, màu sắc, đường nét..).

+ Vplan sử dụng cơ sở dữ liệu đầu vào là các bản đồ địa chính số của xã (có chứa các thông tin của thửa đất), do đó thông tin trong quá trình thực hiện quy hoạch được quản lý đến từng thửa đất, chủ sử dụng, loại đất. Đây là yêu cầu mới trong công tác quy hoạch.

## I. Quy trình ứng dụng



## II. Các chức năng chính của phần mềm

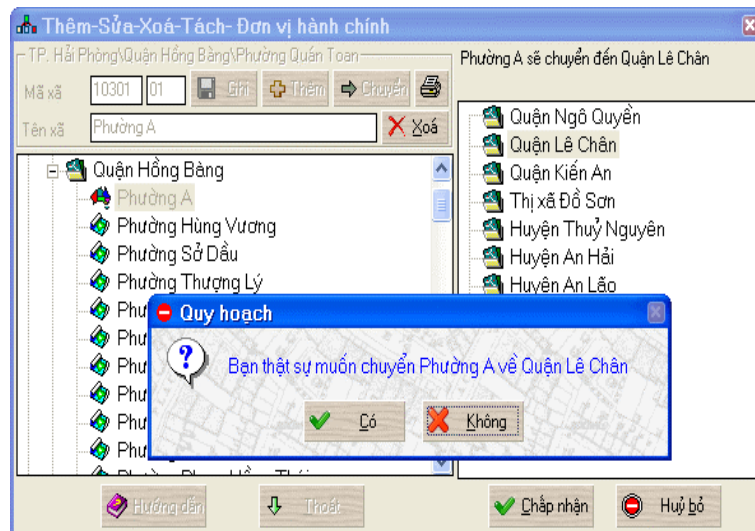
### 1. Nhập dữ liệu

#### 1.1. Chọn đơn vị hành chính

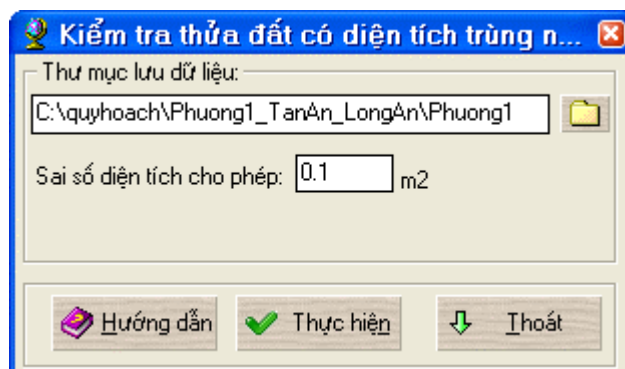


#### 1.2. Cập nhật đơn vị hành chính

Người sử dụng có thể thêm, sửa, xóa đơn vị hành chính. Cũng có thể chuyển dịch huyện, xã này sang tỉnh, huyện khác



#### 1.3. Kiểm tra, ghép biên bản đồ



Chức năng này giúp người sử dụng có thể kiểm tra những số hiệu thửa, bản đồ, diện tích, chủ sử dụng trùng.

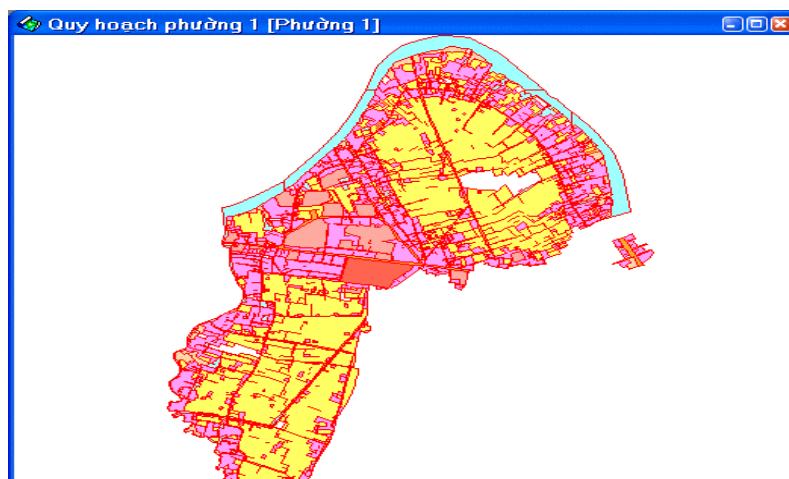
#### 1.4. Nhập dữ liệu từ FAMIS



## 2. Xử lý dữ liệu bản đồ hiện trạng

### 2.1. Tách lớp bản đồ

Chương trình giúp chúng ta quản lý bản đồ một cách dễ dàng bằng cách tách ra thành các lớp sau: Lớp thủy hệ, lớp giao thông, lớp bản đồ hiện trạng sử dụng đất



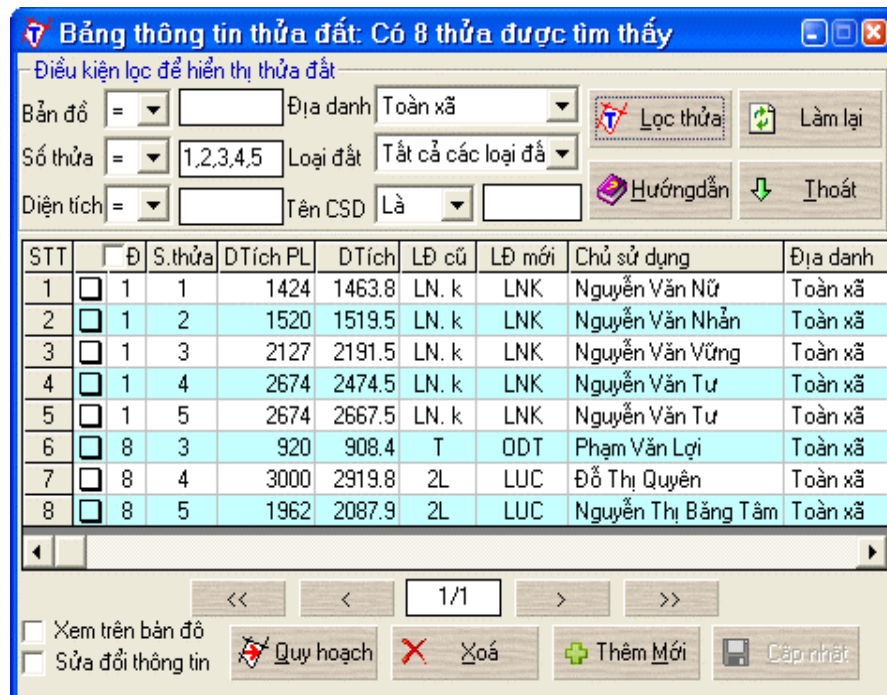
## 2.2. Thiết lập các tham số

Chương trình giúp người sử dụng thuận tiện trong việc thiết lập tham số cho thửa đất, nhãn thửa, bản đồ chuyên đề, quy hoạch, lớp nhà



## 2.3. Bảng thông tin thửa đất

Cho phép thao tác tìm kiếm, cập nhật, chỉnh sửa các thông tin về thửa đất



## 2.4. Bảng chủ sử dụng

Cho phép thao tác tìm kiếm, cập nhật, chỉnh sửa các thông tin về chủ sử dụng đất

STT	Tên CSD	Địa Chỉ	Đối tượng sử dụng	Địa danh
1	UBND xã quản lý		UBND xã sử dụng	Toàn xã
2	Nguyễn Văn Nữ	Bình Cư 2, Phường	Hộ gia đình, cá nhân	Toàn xã
3	Nguyễn Văn Nhân	Bình Cư 2, Phường	Hộ gia đình, cá nhân	Toàn xã
4	Nguyễn Văn Tư	Bình Cư 2, Phường	Hộ gia đình, cá nhân	Toàn xã
5	Nguyễn Văn Tư	Phường 6	Hộ gia đình, cá nhân	Toàn xã
6	Đỗ Văn Thiệu	Bình Cư 2, Phường	Hộ gia đình, cá nhân	Toàn xã

STT	BD	Số thửa	Diện tích PL	Diện tích BD	Loại đất	Địa danh
1	1	112	6901	5033	BCS	Chưa biết
2	1	138	176	167.6	NTD	Chưa biết

## 2.5. Bảng danh mục

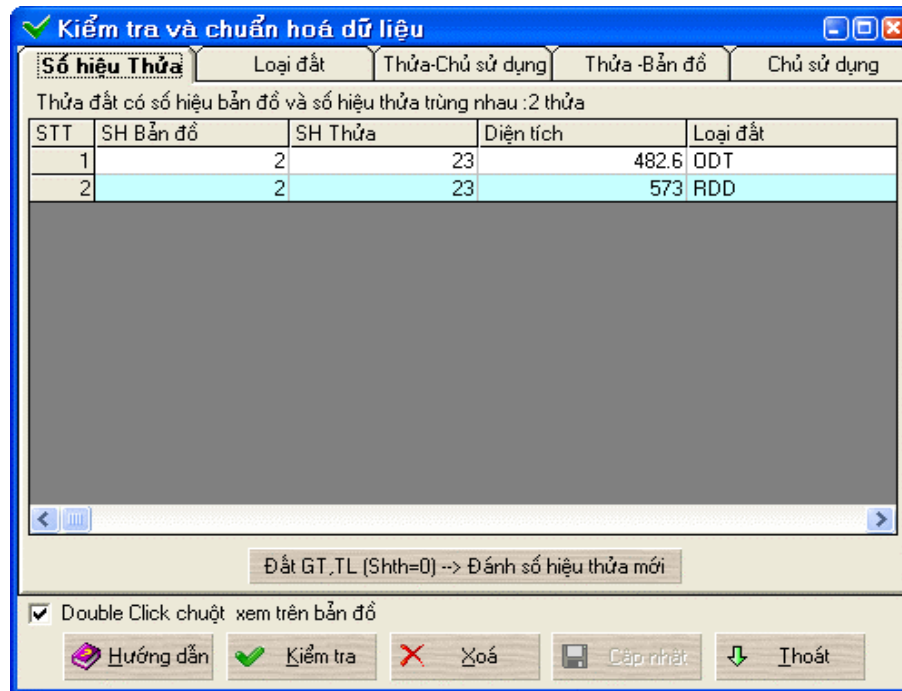
Chương trình phân loại ra làm danh mục loại đất, danh mục đối tượng sử dụng, danh mục mảnh bản đồ, danh mục địa danh

Stt	Tên loại đất cũ	Khiệu cũ	Mã cũ	Mã mới	Khiệu mới	Tên loại đất mới
1				1	NPP	Đất nông nghiệp
2				2	SXN	Đất sản xuất nông nghiệp
3				3	CHN	Đất trồng cây hàng năm
4				4	LUA	Đất trồng lúa
5	Ruộng 3 vụ	LM	5	5	LUC	Đất trồng lúa nước
6	Ruộng 2 vụ	2L	6	5	LUC	Đất trồng lúa nước
7	Ruộng 1 vụ	1L	7	6	LUK	Đất trồng lúa còn lại
8	Đất chuyên mạ	Mạ	8	6	LUK	Đất trồng lúa còn lại
9	Nương trồng lúa	L/n	10	7	LUN	Đất trồng lúa nương
10				8	HNC	Đất trồng cây hàng năm còn lại
11	Đất trồng cỏ	Cỏ. t	24	9	COT	Đất trồng cỏ
12	Đất cỏ tự nhiên cải tạo	Cỏ. tn	25	10	CON	Đất cỏ tự nhiên có cải tạo
13				11	HNK	Đất trồng cây hàng năm khác
14	Đất chuyên mầu và cây CN hàng năm	ĐM	13	12	BHK	Đất bằng trồng cây hàng năm khác
15	Đất chuyên rau	Rau	14	12	BHK	Đất bằng trồng cây hàng năm khác
16	Đất chuyên coi, bàng	coi	15	12	BHK	Đất bằng trồng cây hàng năm khác
17	Đất trồng cây hàng năm khác còn lại	HN. k	16	12	BHK	Đất bằng trồng cây hàng năm khác
18	Nương rẫy khác	ĐRM/n	11	13	NHK	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác
19				14	CLN	Đất trồng cây lâu năm
20	Đất trồng cây CN lấy năm	CN	19	15	LNC	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm

## 2.6. Kiểm tra và chuẩn hóa dữ liệu

- + Kiểm tra các bản đồ có số hiệu thửa trùng nhau.
- + Kiểm tra thửa chưa có loại đất.
- + Kiểm tra thửa không có chủ sử dụng.
- + Kiểm tra thửa không có trong CSDL mà chỉ có trên bản đồ và ngược lại.
- + Kiểm tra chủ sử dụng trùng nhau, Chủ sử dụng không có thửa.





### 2.7. Phục hồi dữ liệu đã xoá

- + Phục hồi các thửa đã bị xoá.
- + Phục hồi chủ sử dụng đã xoá.
- + Phục hồi toàn bộ tờ bản đồ đã bị xoá.

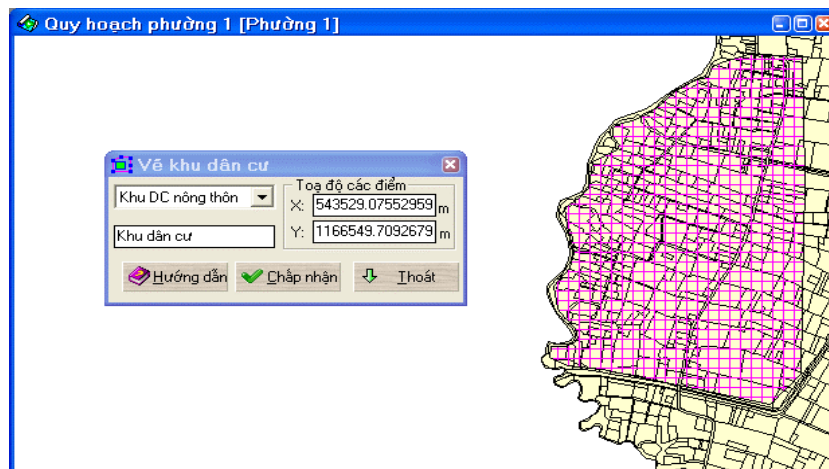




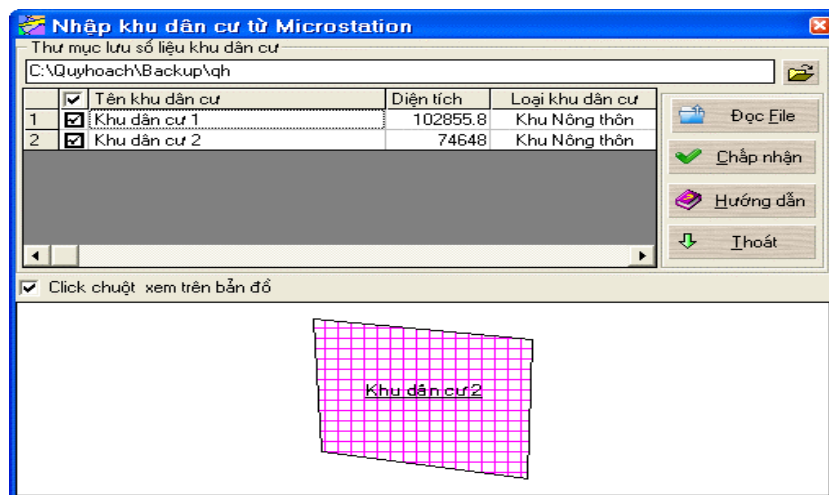
### 3. Quản lý đất khu dân cư

Chức năng này cho phép khoanh khu dân cư trên bản đồ hoặc có thể nhập khu dân cư từ Microstation phục vụ công tác thống kê và quy hoạch đất trong khu dân cư

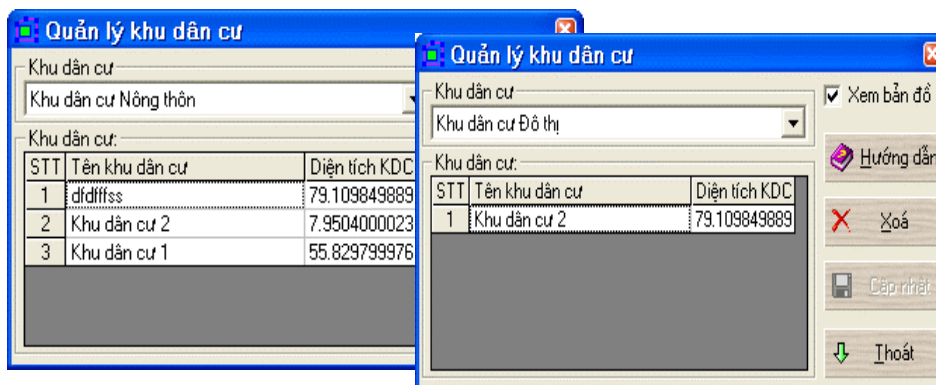
#### 3.1. Vẽ khu dân cư



#### 3.2. Nhập khu dân cư

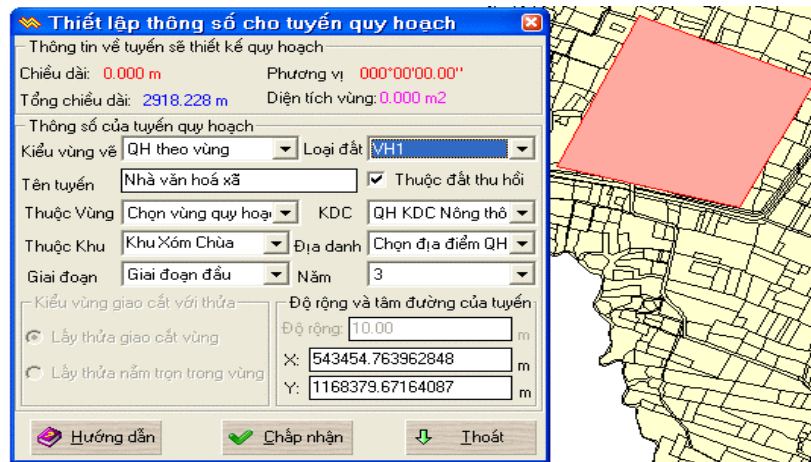


#### 3.3. Quản lý khu dân cư



## 4. Thiết kế quy hoạch

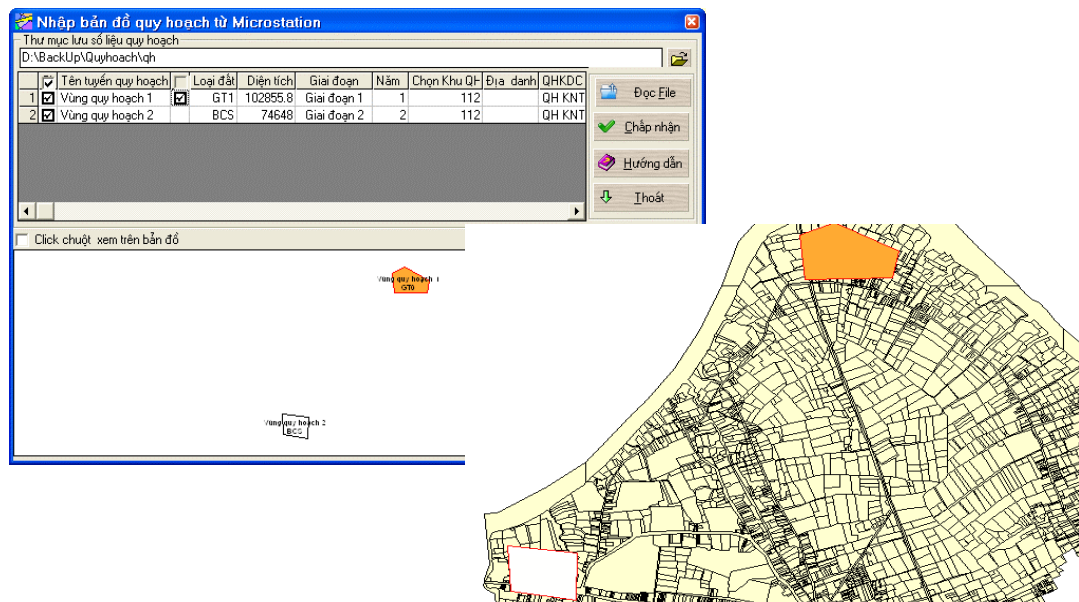
### 4.1. Thiết kế tuyến quy hoạch



Chức năng này cho phép nhà quy hoạch thiết kế trực tiếp các phương án quy hoạch của mình trên phần mềm.

### 4.2. Nhập bản đồ quy hoạch

Chức năng này cho phép nhà quy hoạch thiết kế các phương án quy hoạch của mình trên phần mềm Microstation, sau đó nhập vào Vplan



### 4.3. Quy hoạch từ bảng thửa đất (sử dụng khi quy hoạch vào trọn thửa)

**Tạo tuyến quy hoạch từ các thửa 7 t...**

Thông số của tuyến quy hoạch

Tên tuyến:

Loại đất:  Thuộc đất thu hồi

Thuộc Khu:  KDC:

Thuộc vùng:  Địa danh:

Giai đoạn:  Năm:  Năm thực hiện:

STT	BĐ	S.thửa	DTích PL	Diện tích	Loại Đất	Chủ sử dụng
1	1	4	2674	2474.50	GT1	Nguyễn Văn Tư
2	1	7	1255	1275.20	LNK	Đỗ Văn Thiều
3	1	11	3139	3294.00	ODT	Nguyễn Văn Tư
4	1	13	1645	1630.00	ODT	Nguyễn Hồng K
5	1	16	1272	1122.70	LNK	Nguyễn Văn út t

Click chuột xem trên bản đồ  Chọn để bỏ hết thửa

Hướng dẫn  Bỏ thửa  Chấp nhận  Thoát

## 5. Kết quả quy hoạch

### 5.1. Thông tin về các phương án quy hoạch

Chương trình hiển thị kết quả quy hoạch của mỗi một khu quy hoạch, của chủ quy hoạch và của loại đất quy hoạch, có thể chỉnh sửa và cập nhật các thông tin liên quan đến các phương án quy hoạch quy.

**Thông tin về Vùng Quy hoạch**

Khu Quy hoạch:  Chủ Quy hoạch:

STT	Tên vùng	LĐất	D.tích	Khu Q	Tuyến	Diện tích	Giai
1	Đường giao thố	GT0	1603.8	khu b	1	335.540154	
2	Đường giao thố	GT0	1122.9	khu b			

Stt	LĐất	Tên loại đất	Diện tích
1	GT0	Đất giao thông không kinh doanh	200
2	LNK	Đất trồng cây lâu năm khác	200
3	LUC	Đất trồng lúa nước	1595
4	LUK	Đất trồng lúa còn lại	1682.5

Click chuột xem trên bản đồ  Sửa đổi thông tin  Bảng thửa

Hướng dẫn  Xóa

**Vùng Quy hoạch**

Vùng Quy hoạch:  Chủ Quy hoạch:  Loại đất Quy hoạch:

Điều kiện tìm kiếm: Địa danh:

Họ và tên:

Toàn xã có: 198 chủ thửa Quy hoạch.

STT	Tên CSD	Địa chỉ
1	UBND xã quản lý	
2	Nguyễn Văn út Hai	Bình Cư 2, Phường 6
3	Nguyễn Văn út Hai	Bình Cư 2, Phường 6

Click vào tên chủ để lấy tổng số thửa

STT	S.thửa	Số từ	DTPL	DTBĐ	DTQH	PL còn lại	BĐ còn lại	L_đất
1	1	15	1000	5575.5	3068.7	-2068.71	2506.79	LNK
2	1	128	934	941	739.6	194.40	201.40	LUC
3	1	132	10828	10609.9	74.2	10753.84	10535.74	ODT
4	3	53	1098	1098.6	665.7	432.32	432.92	LUC
5	3	100	2123	2122.7	1503.2	619.82	619.52	LUC
6	3	152	5362	5415.1	5415.1	-53.06	0.04	LUC

Hướng dẫn  Thoát

**Loại đất Quy hoạch**

Vùng Quy hoạch:  Chủ Quy hoạch:  Loại đất Quy hoạch:

Toàn xã có: 1 loại đất Quy hoạch.

STT	Loại đất	Tên loại đất	DTQH
1	GT0	Đất giao thông không kinh doanh	630913.0

Quy hoạch loại đất trên lấy từ: 9 loại đất sau.

STT	Loại đất	Tên loại đất	Diện tích
1	LUC	Đất trồng lúa nước	174064.5
2	LNK	Đất trồng cây lâu năm khác	7556.5
3	TSN	Đất chuyên nuôi trồng thủy sản nước ngọt	4747.6
4	ODT	Đất ở tại đô thị	163512.3
5	TSO	Đất trụ sở cơ quan	92434.9
6	GT0	Đất giao thông không kinh doanh	98018.4
7	TLO	Đất thủy lợi không kinh doanh	8341.9
8	NTD	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	1734.1
9	SON	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	74972.4

Hướng dẫn  Thoát

## 5.2. Lập bảng biểu hiện trạng, quy hoạch

Vplan tự động tính toán số liệu hiện trạng và quy hoạch, lập 08 biểu hiện trạng và 15 biểu quy hoạch. Ngoài ra còn lập các biểu khác như: Biểu nhu cầu sử dụng đất cho từng khu vực, từng thôn và toàn xã.

The image shows two screenshots of the 'Bảng thống kê diện tích đất' (Land Area Statistics Table) software interface. The top window displays the 'Biểu hiện trạng' (Current Status) tab, showing a hierarchical table of land use types and their areas. The bottom window displays the 'Biểu quy hoạch' (Planning) tab, showing a similar table but with columns for 'Diện tích hiện trạng năm 2007' (2007 current area), 'Diện tích quy hoạch đến năm 2017' (2017 planning area), and 'Diện tích tăng(+), giảm(-) trong kỳ' (Change in area during the period).

Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích HT	Cơ cấu	Diện tích
<b>1</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>751.36</b>	<b>100.00</b>	
<b>1.1</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>NPP</b>	<b>396.60</b>	<b>52.78</b>	
<b>1.1.1</b>	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>SXN</b>	<b>388.72</b>	<b>98.01</b>	
1.1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	372.60	95.85	
1.1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	372.60	100.00	
1.1.1.1.1.1	Đất trồng lúa nước	LUC	362.50	97.29	
1.1.1.1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	10.10	2.71	
1.1.1.1.1.3	Đất trồng lúa nương	LUN	0.00	0.00	
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	0.00	0.00	
1.1.1.2.1	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16.12	4.15	
1.1.1.2.1.1	Đất trồng cỏ	COT	0.00	0.00	
1.1.1.2.1.2	Đất cỏ tự nhiên có cải tạo	CON	0.00	0.00	
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0.00	0.00	
1.1.1.3.1	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	0.00	0.00	
1.1.1.3.2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	0.00	0.00	
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16.12	4.15	
1.1.2.1	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	LNC	2.99	18.57	
1.1.2.2	Đất trồng cây ăn quả lâu năm	LNQ	0.00	0.00	
1.1.2.3	Đất trồng cây lâu năm khác	LNK	13.12	81.43	

The image shows a detailed screenshot of the 'Biểu quy hoạch' (Planning) tab. The table includes columns for 'Mã' (Code), 'Diện tích đầu kỳ' (Initial area), and various planning codes (NPP, SXN, CHN, LUA, LUC, LUK, LUN, HNC, COT) with their respective areas. The table is color-coded by column.

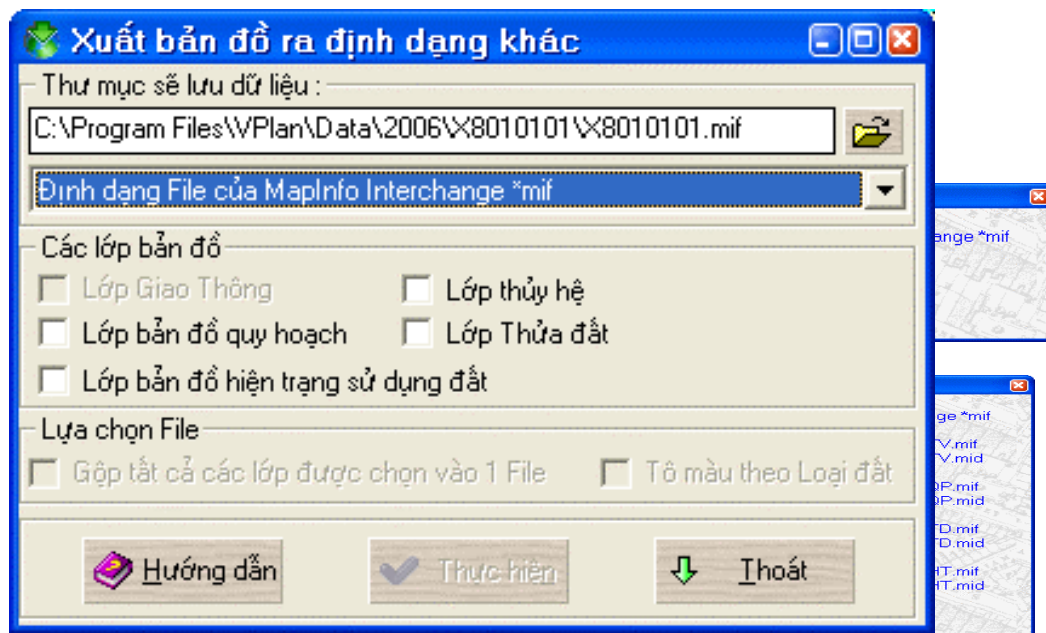
Thứ tự	CHỈ TIÊU	Mã	Diện tích đầu kỳ	NPP	SXN	CHN	LUA	LUC	LUK	LUN	HNC	COT
<b>1</b>	<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT TỰ NHIÊN</b>		<b>751.37</b>	<b>197.48</b>	<b>86.00</b>	<b>86.00</b>	<b>64.00</b>	<b>27.00</b>	<b>24.00</b>	<b>13.00</b>	<b>22.00</b>	<b>4.00</b>
<b>1.1</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>NPP</b>	<b>396.62</b>	<b>111.07</b>	<b>86.00</b>	<b>86.00</b>	<b>64.00</b>	<b>27.00</b>	<b>24.00</b>	<b>13.00</b>	<b>22.00</b>	<b>4.00</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất sản xuất nông nghiệp</b>	<b>SXN</b>	<b>388.73</b>	<b>52.64</b>	<b>185.79</b>	<b>86.00</b>	<b>64.00</b>	<b>27.00</b>	<b>24.00</b>	<b>13.00</b>	<b>22.00</b>	<b>4.00</b>
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN	372.62	50.01	0.00	155.69	64.00	27.00	24.00	13.00	22.00	4.00
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA	372.62	72.01	22.00	22.00	201.61	5.00	6.00	7.00	22.00	4.00
1.1.1.1.1	Đất trồng lúa nước	LUC	362.51	78.88	27.00	27.00	5.00	207.41	2.00	3.00	22.00	4.00
1.1.1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	10.10	8.34	8.00	8.00	8.00	2.00	1.29	4.00	0.00	0.00
1.1.1.1.3	Đất trồng lúa nương	LUN	0.00	7.00	7.00	7.00	7.00	3.00	4.00	7.00	0.00	0.00
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm còn lại	HNC	0.00	46.00	46.00	46.00	46.00	22.00	18.00	6.00	48.00	0.00
1.1.1.2.1	Đất trồng cỏ	COT	0.00	15.00	15.00	15.00	15.00	4.00	5.00	6.00	0.00	-15.00
1.1.1.2.1.2	Đất cỏ tự nhiên có cải tạo	CON	0.00	11.00	11.00	11.00	11.00	5.00	6.00	0.00	0.00	0.00
1.1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0.00	20.00	20.00	20.00	20.00	13.00	7.00	0.00	0.00	0.00
1.1.1.3.1	Đất trồng cây hàng năm khác	BHK	0.00	13.00	13.00	13.00	13.00	6.00	7.00	0.00	0.00	0.00
1.1.1.3.2	Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác	NHK	0.00	7.00	7.00	7.00	7.00	7.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	16.12	2.64	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.1.2.1	Đất trồng cây công nghiệp lâu năm	LNC	2.99	1.40	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.1.2.2	Đất trồng cây ăn quả lâu năm	LNQ	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
1.1.2.3	Đất trồng cây lâu năm khác	LNK	13.12	1.23	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00

## 5.3. In bản đồ và bảng biểu



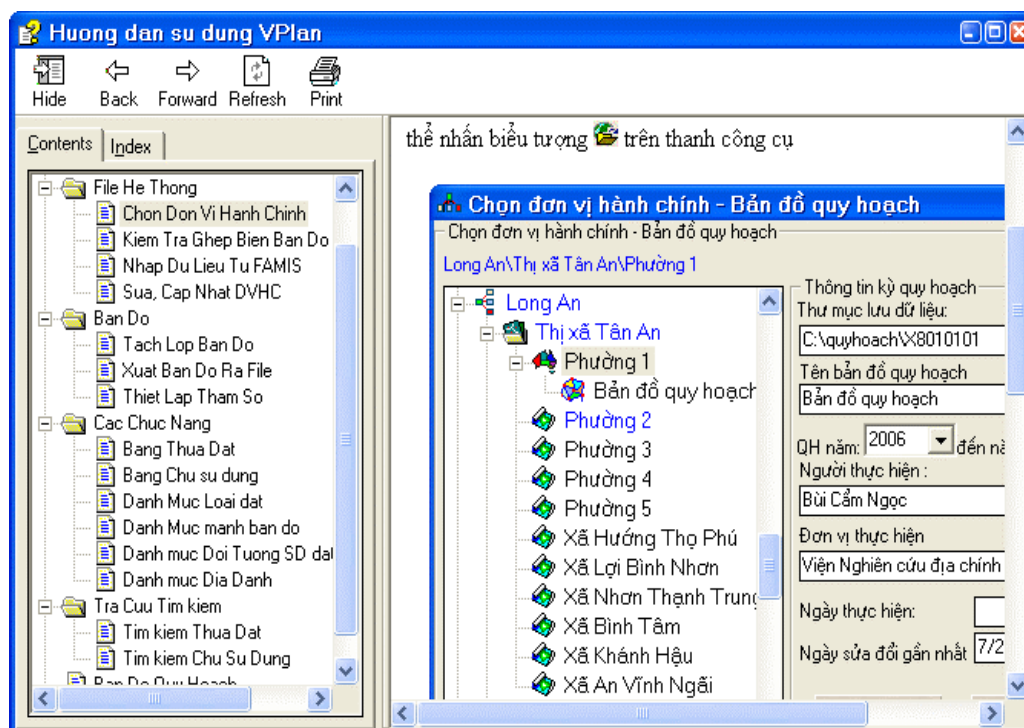
Đối với bảng biểu Vplan cho phép in trực tiếp các bảng biểu và có thể xuất sang Excel hoặc Word.

Đối với bản đồ quy hoạch Vplan cung cấp cho chức năng xuất sang các định dạng khác để chỉnh sửa và in như Microstation, MapInfo, Autocad.



## 6. Thông tin về Vplan

### 6.1. Hướng dẫn sử dụng



## 6.2. Thông tin về chương trình



**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG  
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỊA CHÍNH**

**PHẦN MỀM HỖ TRỢ QUY HOẠCH  
VPLAN 1.0 -2007**

Bộ tài nguyên và môi trường  
Viện nghiên cứu Địa chính  
.....000.....

Phần mềm hỗ trợ quy hoạch VPlan 1.0  
Mọi đóng góp ý kiến xin gửi về  
Trung tâm nghiên cứu Quy hoạch và Kinh tế đất  
hoặc  
Trung tâm Nghiên cứu triển khai Bản đồ & Địa tin học  
Viện nghiên cứu Địa chính  
Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội  
Điện thoại: 04.7541088 - Email: ttbdth@gmail.com

**Bản quyền: Viện nghiên cứu Địa chính**  
**Địa chỉ: Hoàng Quốc Việt - Cầu Giấy - Hà Nội**  
**Điện thoại: 04.7541088 Fax: 04.7540186**  
<http://www.virila.ac.vn> - <http://bandovadiatinhoc.com>  
Email: ttbdth@gmail.com

### III. Triển khai ứng dụng

Trong thời gian vừa qua, phần mềm Vplan đã không ngừng nâng cấp và phát triển để đáp ứng được nhu cầu của công tác quản lý quy hoạch sử dụng đất. Sau đây là một số yếu tố cho phép Vplan tiếp tục phát triển và ứng dụng thành công:

- Vplan có thiết kế hệ thống tốt, mở, mềm dẻo dễ dàng nâng cấp theo kịp các thay đổi trong quản lý quy hoạch sử dụng đất;
- Vplan đưa ra giải pháp tốt cho triển khai trên diện rộng;
- Vplan đưa ra một quy trình hoàn thiện và các công cụ phục vụ cho xây dựng và cập nhật dữ liệu từ FAMIS;
- Phần mềm Vplan được thiết kế giao diện sao cho sử dụng phần mềm đơn giản nhất có thể;

Với tiềm lực khoa học công nghệ, con người, thiết bị, kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý đất đai, đo đạc và quy hoạch sử dụng đất. Trung tâm NC - TK Bản đồ và Địa tin học hoàn toàn có khả năng tư vấn và thực hiện thành công các dự án về quy hoạch sử dụng đất, quản lý đất đai.

Với những ưu điểm của mình, phần mềm Vplan có thể được coi là một phần mềm chuyên về quy hoạch sử dụng đất. Tuy nhiên, để có thể phát triển hơn nữa cần phải quan tâm đến một số vấn đề hơn nữa:

- Phần mềm cần có sự đầu tư, nâng cấp liên tục về cập nhật đổi mới công nghệ và phương thức quản lý;
- Phần mềm cần được phát triển liên tục và theo kịp công nghệ trên thế giới, có tính cạnh tranh cao;
- Phần mềm cần được bảo trì, bảo dưỡng, nâng cấp phù hợp với nhu cầu quy hoạch sử dụng đất cấp xã;

Phần mềm Vplan sẽ vẫn tiếp tục được phát triển hơn nữa, rất mong sự đóng góp ý kiến của các bạn để phần mềm được hoàn thiện hơn, phục vụ tốt công tác quy hoạch sử dụng đất của địa phương.

Xin chân thành cảm ơn!

Địa chỉ liên hệ:

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU TRIỂN KHAI BẢN ĐỒ VÀ ĐỊA TIN HỌC  
VIỆN NGHIÊN CỨU ĐỊA CHÍNH

Đường Hoàng Quốc Việt – Cầu giấy – Hà nội. Điện thoại: 04.7541088